

Nguyễn Thị Lan H (bị cáo trong cùng vụ án) và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 09/6/2020; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Luật sư **Quý H** – Văn phòng Luật sư B, Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- *Người bị hại có kháng cáo, liên quan đến kháng cáo:*

1. Bà **Văn Thị Kim N**, sinh năm 1989; trú tại: tỉnh Quảng Trị; có mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1990; trú tại: thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

3. Bà **Lê Thị Hồng A**, sinh năm 1988; trú tại: thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 11 người bị hại không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị Toà án không triệu tập tham gia phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2011, Nguyễn Thị Lan H mở Shop bán quần áo, nên có vay trả góp của một số người để lấy vốn mua hàng. Đến tháng 5/2014, do buôn bán thua lỗ và H có thai, nên đã nghỉ bán Shop quần áo nhưng vẫn còn nợ tiền vay 384.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 320.000.000 đồng và tiền lãi 64.000.000 đồng). Từ khi đó, H ở nhà dưỡng thai, không có việc làm, không có thu nhập để trả nợ, nên H tiếp tục vay trả góp, rồi lấy tiền vay để trả lãi. Vì vậy, số nợ gốc ngày càng tăng lên, nên H đã vay thêm hình thức “*Vay tính lãi từng ngày*”. Mặc dù không làm đảo hạn ngân hàng, không kinh doanh gì, nhưng H vẫn đưa ra thông tin gian dối, như: Đang làm “*đảo hạn ngân hàng*”, mua hàng đầu giá, cần vay nhiều tiền để làm các gói đảo hạn lớn, lãi suất cao, cam kết trả gốc và lãi đúng hạn. Đồng thời, H trực tiếp hoặc thông qua Võ Lê L (chồng H) để tiếp cận làm quen thêm với những người cho vay.

Thủ đoạn của H là lấy tiền vay của các khoản vay sau trả đủ gốc và lãi cho khoản vay trước để tạo lòng tin. Đồng thời, một số trường hợp L (chồng H) tham gia tích cực như: Đưa ra thông tin gian dối để vay tiền, hoặc giúp sức như cùng đi hoặc chở H đi vay, sử dụng số tài khoản của L để nhận tiền...

Đến đầu tháng 8/2016, H vẫn tiếp tục đưa ra thông tin gian dối rằng có các gói đảo hạn mới để tiếp tục vay tiền và lôi kéo thêm những người cho vay mới.

Cuối tháng 8/2016, những người cho vay nghi ngờ nên tập trung đòi nợ, nhưng H vẫn tiếp tục đưa ra thông tin gian dối để kéo dài thời gian. Do mất khả

năng thánh toán nợ, nên ngày 24/9/2016, H uống thuốc tân dược tự tử, nhưng được bệnh viện cứu sống. Ngày 20/10/2016, H đến cơ quan Công an trình diện.

Với phương thức, thủ đoạn trên, Nguyễn Thị Lan H đã nhiều lần chiếm đoạt tài sản của nhiều người, Võ Lê L đồng phạm một số trường hợp, cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt của bà Văn Thị Kim N 12.550.000.000 đồng.

Từ tháng 01/2015, Nguyễn Thị Lan H đưa ra thông tin gian dối làm đảo hạn ngân hàng, nhiều lần vay tiền của bà N. H và bà N không có sổ sách theo dõi nên không xác định được số lần vay và số tiền vay từng lần, số tiền gốc và lãi đã trả là bao nhiêu.

Võ Lê L có chở H đến nhà bà N để vay tiền, nhưng không xác định được cụ thể thời gian, số tiền vay các lần đó là bao nhiêu. L còn 01 lần chuyển khoản trả tiền cho bà N 759.750.000 đồng.

Đến ngày 13/9/2016, khi H mất khả năng trả nợ thì H và L làm “Giấy mượn tiền” với số tiền gốc là 12.550.000.000 đồng, cả H và L cùng ký vào “Giấy mượn tiền”.

2. Chiếm đoạt của ông Hồ Hải L 144.000.000 đồng.

Đầu năm 2015, L vào công tác tại Đà Nẵng thì gặp ông L. Ông L nói đang thất nghiệp, có việc gì thì cho ông L làm với. L biết rõ H (vợ L) đang nghỉ sinh, không làm đảo hạn ngân hàng, không mua bán hàng đầu giá, nhưng vẫn đưa ra thông tin gian dối rằng H có làm đảo hạn ngân hàng, mua hàng đầu giá và nói ông L góp vốn làm ăn kiếm lời. Sau đó, ông L gặp H để hỏi lại, thì H cũng nói dối là có mua hàng đầu giá và cho ông L sổ tài khoản của L. Tin lời L và H, nên ngày 13/4/2015 và ngày 23/6/2015, ông L đã chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản của L. L rút toàn bộ đưa cho H để trả lãi cho các khoản vay trước đó. Ngày 10/11/2015, ông L dự định chuyển thêm 50.000.000 đồng, nhưng H nói trừ trước 6.000.000 đồng tiền lãi, nên ông L chuyển 44.000.000 đồng vào tài khoản của H. Tổng cộng 03 lần ông L đã chuyển cho vợ chồng H, L 144.000.000 đồng. Hương đã nhiều lần trả lãi cho 3 ông L tổng cộng 44.000.000 đồng. Đến khi H vỡ nợ thì ông L đã trừ toàn bộ số tiền lãi vào tiền gốc. Đến tháng 12/2016, L trả thêm cho ông L 3.000.000 đồng. Tổng số đã trả là 47.000.000 đồng, số tiền còn lại mà vợ chồng H, L chưa trả là 97.000.000 đồng.

3. Chiếm đoạt của bà Lê Thị Hồng A 18.997.744.100 đồng.

Từ ngày 20/7/2015, H đưa ra thông tin gian dối làm đảo hạn ngân hàng, nhiều lần vay tiền bà A. Quá trình vay, hai bên không có sổ sách theo dõi nên không xác định được số lần vay và số tiền vay từng lần, số tiền gốc và lãi đã trả là bao nhiêu. Trong quá trình vay, ngày 21/10/2015, L dùng tài khoản của mình

để nhận 1.950.000.000 đồng, sau đó L rút 400.000.000 đồng đưa cho H, còn 1.550.000.000 đồng chuyển khoản cho người khác. Ngày 29/6/2016, L chở H đến Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - C nhánh Quảng Trị, H nhận tiền A cho vay 3.800.000.000 đồng (L không biết vay bao nhiêu tiền). Ngoài ra, L còn 01 lần nhận tiền của bà A, nhưng không xác định được cụ thể thời gian, số tiền vay lần đó là bao nhiêu.

Bà A tố cáo H chiếm đoạt 42.690.000.000 đồng. Quá trình điều tra, ban đầu H khai chiếm đoạt của bà A 7.500.000.000 đồng. Sau đó, căn cứ vào sao kê tài khoản, H và bà A đã xác định số tiền H chiếm đoạt của bà A là 18.997.744.100 đồng, L tham gia 1.950.000.000 đồng.

Hiện nay, bà A không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra có thông báo tìm kiếm nhưng chưa có kết quả.

4. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Bích T 17.145.400.000 đồng.

Ngày 01/7/2016, H đưa ra thông tin gian dối làm đảo hạn ngân hàng để vay tiền của bà T 02 lần 1.600.000.000 đồng và 3.000.000.000 đồng. Ngày 07/7/2016, tiếp tục vay 1.200.000.000 đồng. Ngày 08/7/2016, bà T cần tiền nên H trả 1.200.000.000 đồng. Ngày 29/7/2016, H vay bà T 02 lần 1.400.000.000 đồng và 6.300.000.000 đồng. Ngày 31/7/2016, bà T khai H vay 6.595.175.400 đồng, nhưng H không thừa nhận, cho rằng lần này do viết sai số, nên không vay tiền. Trong tháng 8/2016, H đã trả bà T tổng cộng 1.750.000.000 đồng.

Đến ngày 09/9/2016, H viết “Giấy vay tiền” với số tiền 17.145.400.000 đồng, có L cùng ký tên, điểm chỉ.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ: 01 “Giấy vay tiền” đề ngày 09/9/2016 và 05 “Hợp đồng cho cá nhân mượn tiền” giữa H và bà T; 01 bản kê do bà T viết (không thể hiện thời gian lập) với các nội dung: 04 khoản vay của các ngày 01 và 29/7/2016, trong đó, tổng tiền gốc là: 12.300.000.000 đồng và tổng tiền lãi là: 6.070.400.000 đồng. Tổng cộng: 18.370.400.000 đồng; 04 lần H trả cho bà T số tiền 1.750.000.000 đồng.

Giám định chữ viết trên “Giấy vay tiền” và 05 “Hợp đồng cho cá nhân mượn tiền” đúng là chữ của H, L và bà T (Kết luận giám định số 359/KLGD-PC54 ngày 05/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị).

5. Chiếm đoạt của bà Trần Thị N 7.000.000.000 đồng.

Từ cuối năm 2015, H đưa ra thông tin gian dối làm đảo hạn ngân hàng, nhiều lần vay của bà N. Mỗi lần vay đều viết giấy vay, sau khi trả xong thì hủy giấy vay. Đến tháng 6/2016, H và bà N thống nhất gộp tất cả các khoản vay trước đó vào 1 giấy vay tiền, với số tiền 7.000.000.000 đồng. Bà N giữ giấy này và đã bị mất, không thu giữ được.

6. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Việt A 1.000.000.000 đồng.

Tháng 3/2016, H đưa ra thông tin gian dối làm đảo hạn ngân hàng. Ông A yêu cầu cả hai vợ chồng ký mới cho vay. Ngày 18/3/2016, L và H đến nhà ông A ký “Hợp đồng vay tiền” 400.000.000 đồng. Ngày 23/3/2016, H và L cùng ký “Hợp đồng vay tiền” 500.000.000 đồng, L trực tiếp nhận tiền. Ngày 14/4/2016 H một mình ký “Hợp đồng vay tiền” 200.000.000 đồng. Tổng cộng 1.100.000.000 đồng, L tham gia vay 900.000.000 đồng. Đến tháng 8/2016, H trả cho ông A 100.000.000 đồng tiền gốc và 244.000.000 đồng tiền lãi. Còn lại H chiếm đoạt của ông A 1.000.000.000 đồng, L tham gia 900.000.000 đồng.

7. Chiếm đoạt của ông Phan Văn T 600.000.000 đồng.

Ngày 20/6/2016, H đưa ra thông tin gian dối làm đảo hạn ngân hàng để vay ông T số tiền 400.000.000 đồng.

Ngày 11/8/2016, H vay thêm 200.000.000 đồng, L là người trực tiếp đi nhận tiền và ký giấy vay tiền, ký tên L và ký cả tên H.

Tổng cộng 02 lần, H đã vay và chiếm đoạt của ông T 600.000.000 đồng, L tham gia 200.000.000 đồng.

8. Chiếm đoạt của bà Đinh Thị Hồng N 1.900.000.000 đồng.

Ngày 04/8/2016, H đưa ra thông tin gian dối làm đảo hạn ngân hàng, cả H và L cùng ký giấy vay bà Hồng N 1.000.000.000 đồng. Tương tự, ngày 15/8/2016 vay 1.000.000.000 đồng và ngày 16/8/2016 vay thêm 400.000.000 đồng, tổng cộng 03 lần vay 2.400.000.000 đồng.

Ngày 25/8/2016, bà N yêu cầu H và L cùng ký giấy cam đoan trả nợ 2.400.000.000 đồng.

Ngày 26/8/2016, bà N đã yêu cầu trả tiền tất cả các khoản vay, H trả 200.000.000 đồng.

Ngày 01/9/2016, H trả 300.000.000 đồng, xin gia hạn vay và chiếm đoạt của bà N 1.900.000.000 đồng, L tham gia 1.900.000.000 đồng.

Bà Hồng N đã giao nộp bản photocopy 03 “Giấy vay tiền” và giấy cam đoan trả nợ.

9. Chiếm đoạt của bà Lê Thị Diễm C 1.500.000.000 đồng.

Ngày 17/8/2016, H đưa ra thông tin gian dối làm đảo hạn ngân hàng, để vay và chiếm đoạt của bà C 1.500.000.000 đồng. Giấy vay tiền có chữ ký cả H và L.

10. Chiếm đoạt của bà Lê Thị Hà M 200.000.000 đồng.

Ngày 24/8/2016, H đưa ra thông tin gian dối làm đảo hạn ngân hàng để

vay và chiếm đoạt của bà M 200.000.000 đồng.

11. Chiếm đoạt của bà Võ Thị Thùy L 200.000. 000 đồng.

Ngày 24/8/2016, H đưa ra thông tin gian dối làm đảo hạn ngân hàng để vay và chiếm đoạt của bà L 200.000.000 đồng.

12. Chiếm đoạt của bà Hồ Thị Ngọc T 200.000.000 đồng.

Ngày 10/8/2016, H đưa ra thông tin gian dối làm đảo hạn ngân hàng để vay của bà T 150.000.000 đồng. Ngày 23/8/2016, H tiếp tục vay thêm 100.000.000 đồng. Tổng cộng 2 lần 250.000.000 đồng.

Ngày 11/9/2016, H trả cho bà T 30.000.000 đồng. Sau đó, H tiếp tục trả cho bà T thêm 04 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, tổng cộng H đã trả cho bà T 50.000.000 đồng, số tiền còn lại H chiếm đoạt của bà T là 200.000.000 đồng.

13. Chiếm đoạt của bà Hoàng Cẩm L 330.000.000 đồng.

Ngày 11/8/2016, H đưa ra thông tin gian dối làm đảo hạn ngân hàng để vay bà L 250.000.000 đồng. Ngày 13/8/2016, H tiếp tục vay bà L 100.000.000 đồng. Tổng cộng 350.000.000 đồng.

H đã trả cho bà L 20.000.000 đồng, còn lại H chiếm đoạt của bà L 330.000 000 đồng.

14. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T 850.000.000 đồng.

Tháng 8/2016, H đưa ra thông tin gian dối là làm đảo hạn ngân hàng để vay bà T số tiền lớn. Bà T yêu cầu 02 vợ chồng về viết giấy vay tiền. L dùng ô tô chở H về nhà bà Ty. Bà T yêu cầu đưa bà T lên xem nhà. L dùng xe ô tô chở bà T lên nhà vợ chồng H - L đang ở (thuộc sở hữu của bố mẹ L) theo yêu cầu của bà T. Sau khi xem nhà thì bà T đồng ý cho vay số tiền 500.000.000 đồng và cả 02 vợ chồng H - L cùng ký vào giấy vay tiền (ngày 21/8/2016).

Ngày 25/8/2016, H trả 500.000.000 đồng tiền gốc cùng 7.500.000 đồng tiền lãi, rồi vay lại 500.000.000 đồng. Sau đó, H đề nghị bà T cho vay tiếp 200.000.000 đồng. L trực tiếp đến nhà bà T lấy tiền, viết giấy vay tiền, ký tên L và cả tên H. Ngày 27/8/2016, H vay thêm của bà T 250.000.000 đồng.

Tổng cộng 03 lần H vay 950.000.000 đồng, trong đó, L tham gia vay 02 lần với số tiền 700.000.000 đồng. Ngày 31/8/2016, H trả 100.000.000 đồng. Ngày 01/9/2016, L đã viết “Giấy mượn tiền” 850.000.000 đồng, ký tên L và cả tên H.

Tổng cộng, H chiếm đoạt của bà T là 850.000.000 đồng, L tham gia 700.000.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị Lan H đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của

14 người với số tiền 62.617.144.100 đồng. Võ Lê L đồng phạm chiếm đoạt của 07 người với số tiền 7.294.000.000 đồng.

Số tiền chiếm đoạt được, H đã sử dụng 952.691.000 đồng để trả nợ vay ngân hàng mua ô tô và chi tiêu cá nhân, sử dụng 4.193.100.000 đồng để trả lãi cho những người vay (ông Nguyễn Việt A 632.600.000 đồng; ông Phan Văn T 64.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị T 7.500.000 đồng; bà Lê Thị Hà M 211.000.000 đồng; bà Võ Thị Thùy L 278.000.000 đồng và bà Trần Thị N 3.000.000.000 đồng), số còn lại, bị cáo khai để trả lãi cho các bị hại và những người khác, nhưng do lâu ngày, không có sổ sách theo dõi, cùng một thời điểm trả lãi cho nhiều người, nên H không nhớ hết, không có chứng cứ khác để chứng minh.

Về tài sản, quá trình điều tra đã xác định: Xe ô tô Mazda của vợ chồng H, L đã thế chấp Ngân hàng X (Ngân hàng TMCP X) vay 660.000.000 đồng, TAND thành phố Đ đã xét xử cho phép Ngân hàng X 6 xử lý để thu hồi nợ. Xe Honda SH đã bán cho Lê Vũ P ở khu phố 2, P 1- thành phố Đ. Các nhà hàng O2 và Com bo: H và L thuê để kinh doanh, hết hạn thuê nên trả lại chủ sở hữu. Hiện chỉ còn lại 02 xe mô tô có từ trước khi cưới nhau, H và L đang sử dụng để đi lại.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 59/2019/HS-ST ngày 28-11-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 52; riêng bị cáo Nguyễn Thị Lan H căn cứ thêm điểm b khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt các bị cáo:

- Nguyễn Thị Lan H tù Chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Võ Lê L 15 (mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự; thi hành án dân sự; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10-12-2019, người bị hại bà Nguyễn Thị Bích T, bà Văn Thị Kim N kháng cáo với nội dung:

- Quá trình điều tra, truy tố và xét xử cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng nghiêm trọng, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với Lê Thị Hồng A.

- Chưa điều tra làm rõ số tiền chiếm đoạt các bị cáo sử dụng vào mục đích gì, Tòa án sơ thẩm không làm rõ vấn đề này để có cơ sở thu hồi tài sản, bồi thường cho các bị hại, phần nhận định và quyết của Bản án không đề cập là thiếu sót nghiêm trọng; Chưa xác định chính xác tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt là bao nhiêu.

- Hình phạt tuyên đối với Võ Lê L là quá nhẹ.

Ngày 11-12-2019, bị cáo Nguyễn Thị Lan H, Võ Lê L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo và những người bị hại vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng ; Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Lan H và kháng cáo của các bị hại, chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Võ Lê L. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2015 đến tháng 8/2016, Nguyễn Thị Lan H đã đưa ra thông tin gian dối về việc làm đảo hạn ngân hàng, mua hàng đầu giá để vay và chiếm đoạt của 14 người với tổng số tiền là 62.617.144.100 đồng, gồm: Bà Văn Thị Kim N 12.550.000.000 đồng, ông Hồ Hải L 144.000.000 đồng, bà Lê Thị Hồng A 18.997.744.100 đồng, bà Nguyễn Thị Bích T 17.145.400.000 đồng, bà Trần Thị N 7.000.000.000 đồng, ông Nguyễn Việt A 1.000.000.000 đồng, ông Phan Văn T 600.000.000 đồng, bà Đinh Thị Hồng N 1.900.000.000 đồng, bà Lê Thị Diễm C 1.500.000.000 đồng, bà Lê Thị Hà M 200.000.000 đồng, bà Võ Thị Thùy L 200.000.000 đồng, bà Hồ Thị Ngọc T 200.000.000 đồng, bà Hoàng Cẩm L 330.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị T 850.000.000 đồng; Võ Lê L mặc dù biết H không làm đảo hạn ngân hàng, không mua hàng đầu giá, nhưng vẫn tham gia cùng H vay và chiếm đoạt của 07 người với tổng số tiền là 7.294.000.000 đồng, gồm: Ông Hồ Hải L 144.000.000 đồng, bà Lê Thị Hồng A 1.950.000.000 đồng, ông Nguyễn Việt A 900.000.000 đồng, ông Phan Văn T 200.000.000 đồng, bà Đinh Thị Hồng N 1.900.000.000 đồng, bà Lê Thị Diễm C 1.500.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị T 700.000.000 đồng.

Với hành vi, hậu quả nêu trên các bị cáo Nguyễn Thị Lan H, Võ Lê L bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung tăng nặng “... *chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên; ...*” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS 1999 là có căn cứ đúng đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Lan H; Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo H, là nguy hiểm cho xã hội không

những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gián tiếp làm cho nhiều gia đình rơi vào hoàn cảnh khó khăn, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, nên cần phải được xử lý thật nghiêm khắc.

Trong vụ án này, H là người có vai trò chủ yếu, lợi dụng sự tin tưởng của người khác vào mình để đưa ra các thông tin không có thật “*làm đảo lộn ngân hàng, mua hàng đấu giá*” để các bị hại tin tưởng chuyển tiền cho mình vay nhằm chiếm đoạt số tiền đặc biệt lớn (62.617.144.100 đồng). Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ vai trò của bị cáo H trong vụ án, cũng như áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo H mức án cao nhất của khung hình phạt là thỏa đáng, do vậy đơn kháng cáo của bị cáo H không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Xét kháng cáo của những người bị hại bà Nguyễn Thị Bích T, bà Văn Thị Kim N; Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với Lê Thị Hồng A trong vụ án được cơ quan tiến hành tố tụng xác định là bị hại trong vụ án. Trong quá trình điều tra các bị hại đã có đơn tố cáo Lê Thị Hồng A có hành vi đồng phạm với bị cáo Lan, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện việc điều tra xác minh theo đơn yêu cầu của các bị hại. Qua kết quả xác minh cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Trị đã ra các quyết định không khởi tố vụ án hình sự (BL1046) và ra thông báo việc không khởi tố vụ án hình sự đối với Lê thị Hồng A (BL1047-1054). Do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ đưa ra xét xử đối với bị cáo Nguyễn Thị Lan H và Võ Lê L là đúng quy định của pháp luật, tại giai đoạn phúc thẩm không có tình tiết nào mới so với các tài liệu chứng cứ mà cơ quan điều tra đã xác minh ban đầu đối với Lê Thị Hồng A do vậy đơn kháng cáo của bị hại về nội dung nêu trên là không có căn cứ.

- Đối với kháng cáo của bị hại cho rằng chưa điều tra làm rõ số tiền các bị cáo chiếm đoạt dùng vào mục đích gì. Về nội dung này đã được Viện kiểm sát tỉnh Quảng Trị trả hồ sơ yêu cầu điều tra làm rõ. Tại Quyết định số 04/ ngày 7/8/2019 (BL951), kết quả điều tra chỉ xác định được bị cáo dùng tiền tiêu sài cá nhân và mua xe ô tô, ngoài ra bị cáo còn cho rằng số tiền bị cáo nhận từ các bị hại cũng một phần là lấy tiền người này trả lãi cho người kia. Xét thấy với hành vi của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã đủ căn cứ để kết tội bị cáo, vấn đề về thu hồi tài sản cơ quan điều tra đã xác minh theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên nếu sau này các bị hại phát hiện bị cáo có tài sản nào khác thì có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên theo quy định của pháp luật. Do vậy đơn kháng cáo của các bị hại về nội dung trên cũng không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Xét kháng cáo của bị cáo Võ Lê L. Hội đồng xét xử xét thấy. Trong vụ án này bị cáo H là người có vai trò chủ yếu, lợi dụng sự tin tưởng của người

khắc vào mình để đưa ra các thông tin không có thật “*làm đảo hạn ngân hàng, mua hàng đầu giá*” để các bị hại tin tưởng chuyển tiền cho mình vay nhằm chiếm đoạt số tiền đặc biệt lớn (62.617.144.100 đồng). Bị cáo L tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức cùng với H như ký các giấy vay tiền, nhận tiền, chở H đi lấy tiền để chiếm đoạt của các bị hại một số tiền rất lớn (7.294.000.000 đồng). Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội do mình gây ra. Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ để xử phạt bị cáo L mức án 15 năm tù là phù hợp với vai trò mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm sau khi bị Tòa án ra lệnh bắt tạm giam bị cáo đã tác động tới gia đình tự nguyện khắc phục thiệt hại số tiền 200.000.000 đồng tại cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị, và bồi thường cho ông Hồ Hải L là bị hại số tiền 144.000.000 đồng, được ông L viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt.

Xét thấy đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự áp dụng thêm cho bị cáo được hưởng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5]. Án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Lan H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo Võ Lê L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Lan H và các bị hại Nguyễn Thị Bích T, bà Văn Thị Kim N. Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Võ Lê L. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2019/HS-ST ngày 28-11-2019, của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đối với Võ Lê L:

1.1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị Lan H **tù Chung thân** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 52 điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo: Võ Lê L 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/6/2020.

2. Bảo lưu số tiền mà bị cáo L đã nộp theo biên lai số 000901 ngày 3/6/2020 tại cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Lan H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Võ Lê L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Quảng Trị;
- Phòng HSNV - CA tỉnh Quảng Trị;
- CQ CSTHAHS - CA tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Xuân Thành